

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 223/2017/HSST

Ngày : 13/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tất Trình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Anh Tuấn

2- Bà Nguyễn Thị Lý

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Quang Lâm - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Việt Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 161/2017/HSST ngày 12/6/2017 đối với bị cáo :

HOÀNG NGỌC H, giới tính: Nam; sinh: 01/01/1995; nơi sinh: tại Q; thường trú: ấp A, xã B, huyện X, tỉnh V; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Hoàng Văn M và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; tạm giam: 06/4/2017 (có mặt).

Người bị hại: Anh Lê Văn Đ sinh: 1995

Thường trú: ấp A, xã B, huyện X, tỉnh V.

Chỗ ở: đường M, khu phố T, phường P, Quận C, Tp.Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do không có tiền, Hoàng Ngọc H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Lê Văn Đ là bạn bè quen biết. Ngày 03/10/2016, H đến phòng trọ của anh Đ, tại đường Y, khu phố E, phường L, quận T, Tp.Hồ Chí Minh chơi và ở lại. Khoảng 16 giờ cùng ngày 05/10/2016, H lấy trộm giấy đăng ký xe mô tô biển số 72G1-243.05 của anh Đ để trong ví, sau đó H giả vờ hỏi mượn chiếc xe mô tô biển số 72G1-243.05 của anh Đ để đi công việc. Sau khi lấy được xe, H điều khiển xe đến tiệm cầm đồ T ở ấp L, xã H, huyện

N, tỉnh Đồng Nai, cầm xe cho anh Đặng Thành N lấy tiền tiêu xài, rồi bỏ trốn. Anh Đ nhiều lần liên hệ với H để lấy lại xe nhưng không được.

Ngày 13/02/2017, anh Đ đến Công an phường L, quận T trình báo sự việc bị H lừa lấy chiếc xe mô tô nêu trên.

Ngày 01/3/2017, ông Hoàng Văn M (cha của H) đến tiệm cầm đồ T chuộc lại chiếc xe mô tô biển số 72G1-243.05 và giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức.

Ngày 08/3/2017, H về nhà thì bị Công an xã B, huyện X, tỉnh V bắt giữ và thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức để xử lý.

Ngày 06/4/2017, H bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức bắt tạm giam.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, H đã khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Kết luận định giá tài sản số 54 ngày 23/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Thủ Đức, kết luận: chiếc xe mô tô biển số 72G1-243.05, trị giá 12.000.000đ.

Vật chứng vụ án: 01 giấy đăng ký xe và 01 xe mô tô biển 72G1-243.05 (đã trả chủ sở hữu)

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 190/CT-VKS ngày 05/6/2017, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Hoàng Ngọc H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến đánh giá nội dung vụ án, phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng điều luật đã truy tố và điểm h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đã truy tố; bị cáo nhìn nhận trách nhiệm của mình, tỏ thái độ ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo được xác định là khách quan phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ xác định: Ngày 05/10/2016, tại đường Y, khu phố E, phường L, quận T, Tp.Hồ Chí Minh, bị cáo đã có hành vi gian dối, khi hỏi mượn chiếc xe mô tô biển số 72G1-243.05 của anh Lê Văn Đ để đi công việc, làm cho anh Đ tưởng giả là thật, nên đã giao cho bị cáo mượn

chiếc xe trên. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe trên, bị cáo đã mang đi cầm xe lấy tiền tiêu xài và bỏ trốn, không trả lại cho bị hại. Tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá 12.000.000đ. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định trừng trị tại Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện sự xem thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước. Việc truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tích cực bồi thường cho bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, giảm cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, nhất thời phạm tội, có khả năng tự cải tạo để hoàn lương trong môi trường xã hội cụ thể, không cần thiết tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục và tạo điều kiện để bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình.

Anh N khi cầm xe mô tô của bị cáo, không biết là tài sản do phạm tội mà có, nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì, nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1- Tuyên bố bị cáo **Hoàng Ngọc H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2- Áp dụng khoản 1 Điều 139; Điều h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo **Hoàng Ngọc H** 10 (mười) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 08 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

3- Áp dụng khoản 4 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Hoàng Ngọc H, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

4- Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Luật số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo bản án để Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Riêng người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án.

(đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- CA. quận Thủ Đức;
- THADS quận Thủ Đức;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Tất Trình